BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2011/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2011*

THÔNG BÁO
Về việc Điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Cô-oét về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, ký tại Cô-oét ngày 10 tháng 3 năm 2009, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2011.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao lục Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết Mai

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CÔ-OÉT VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước Cô-oét,

Mong muốn thúc đẩy mối quan hệ kinh tế song phương thông qua việc ký kết giữa hai nước một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Hiệp định này áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

Điều 2. Các loại thuế bao gồm trong Hiệp định

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của nước đó đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập, bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh trên phần giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

a) tại Việt Nam:

(1) thuế thu nhập cá nhân;

(2) thuế thu nhập doanh nghiệp;

(Sau đây gọi là "thuế Việt Nam");

b) tại Cô-oét:

(1) thuế thu nhập công ty;

(2) khoản đóng góp từ lợi nhuận ròng của các công ty cổ phần của Cô-oét trả cho Quỹ sáng lập của Cô oét đối với sự tiến bộ của khoa học (KFAS);

(3) Zakat;

(4) khoản thuế phải chịu thể theo việc thực thi luật về người làm công ăn lương quốc gia;

(Sau đây gọi là "thuế Cô-oét").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với bất kỳ các loại thuế nào có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

Điều 3. Các định nghĩa chung

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Cô-oét, tùy ngữ cảnh đòi hỏi;

b) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế;

c) thuật ngữ "Cô-oét" có nghĩa là lãnh thổ của Nhà nước Cô-oét bao gồm bất kỳ khu vực nào bên ngoài lãnh hải mà phù hợp với Luật Quốc tế là hoặc sau đó được chỉ định theo Luật của Cô-oét, là vùng mà Cô-oét thực hiện các quyền chủ quyền và quyền tài phán;

d) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nào khác của các đối tượng;

e) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch", có nghĩa là:

(1) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của Nước ký kết đó; và

(2) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Nước ký kết đó;

f) thuật ngữ "công ty" để chỉ bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g) thuật ngữ "doanh nghiệp của một Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối

tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i) thuật ngữ "thuế" có nghĩa là thuế Việt Nam hoặc thuế Cô-oét, tùy ngữ cảnh đòi hỏi;

j) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa là:

(1) đối với Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;

(2) đối với Cô-oét, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, các thuật ngữ chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

Điều 4. Đối tượng cư trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là:

a) trong trường hợp của Việt Nam: là bất kỳ đối tượng nào, mà theo luật của Việt Nam là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký, hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó hoặc tài sản nằm tại Nước đó;

b) trong trường hợp của Cô-oét: một cá nhân có nơi cư trú tại Cô-oét và là công dân của Cô-oét, và là một công ty được thành lập tại Cô-oét.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, một đối tượng cư trú của Cô-oét cũng sẽ bao gồm tất cả các đối tượng sau:

a) Chính phủ Cô-oét;

b) bất kỳ tổ chức Chính phủ nào được thành lập tại Cô-oét theo luật công như công ty, Ngân hàng Trung ương, quỹ, nhà chức trách, quỹ sáng lập, cơ quan hoặc một tổ chức tương tự khác;

c) bất kỳ một tổ chức nào được thành lập tại Cô-oét và tất cả vốn của tổ chức đó được cấp bởi Cô-oét hoặc bất kỳ tổ chức chính quyền nào được định nghĩa tại điểm (b), cùng với các nước khác.

3. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b) nếu không thể xác định được Nước ký kết mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước ký kết, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó thường xuyên sống;

c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước ký kết hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d) nếu thân phận cư trú của cá nhân đó không thể xác định được bởi lý do theo trình tự của các điểm từ a) - c), thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề bằng thỏa thuận song phương.

4. Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó đối tượng đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước ký kết mà đối tượng đó đã đăng ký thành lập hoặc đã đăng ký.

Điều 5. Cơ sở thường trú

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a) trụ sở điều hành;

b) chi nhánh;

c) văn phòng;

d) nhà máy;

e) xưởng;

f) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm nào khác liên quan đến việc thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên;

g) kho hàng; và

h) kết cấu lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

3. Một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan sẽ tạo thành cơ sở thường trú chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài hơn sáu tháng;

4. Việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn hoặc quản lý do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên sẽ tạo thành cơ sở thường trú chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một Nước ký kết trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng.

5. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu thiết bị hoặc máy móc kỹ thuật, cơ khí hay khoa học chủ yếu được sử dụng hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng hoặc được lắp đặt tại Nước ký kết kia bởi, đối với hoặc theo hợp đồng với doanh nghiệp.

6. Mặc dù có các quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích mua hàng hóa, hoặc để thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp.

7. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 9 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với bất kỳ các hoạt động nào mà đối tượng trên thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 6 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo các quy định tại khoản đó;

b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện giao hàng hóa thay mặt cho doanh nghiệp;

c) đối tượng đó thường xuyên đảm bảo các đơn đặt hàng tại Nước ký kết thứ nhất, một cách độc quyền hoặc gần như độc quyền đối với bản thân doanh nghiệp đó và/hoặc các doanh nghiệp khác bị doanh nghiệp đó kiểm soát hoặc có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó;

d) để làm được như vậy, đối tượng đó sản xuất hoặc gia công tại Nước ký kết kia cho doanh nghiệp các hàng hóa thuộc doanh nghiệp.

8. Một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia chỉ vì doanh nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng, hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện các đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó và/hoặc các doanh nghiệp khác, mà các doanh nghiệp này chịu sự kiểm soát bởi doanh nghiệp đó hoặc có quyền kiểm soát đối với doanh nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

9. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

Điều 6. Thu nhập từ bất động sản

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các dịch vụ cá nhân độc lập.

Điều 7. Lợi nhuận kinh doanh

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho:

a) cơ sở thường trú đó;

b) việc bán tại Nước ký kết kia những hàng hóa cùng loại hoặc tương tự như những hàng hóa bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc

c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc

tương tự trong cùng các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác, có xem xét đến bất kỳ luật hoặc các quy định được áp dụng nào. Do vậy, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tiền vay tính trên khoản tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ khi là các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tiền vay tính trên khoản tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Sẽ không có một khoản lợi nhuận nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa cho doanh nghiệp.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Trường hợp thông tin dành cho nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết là không đầy đủ để xác định lợi nhuận phân bổ cho cơ sở thường trú của một đối tượng, không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ luật

hoặc các quy định nào của một Nước ký kết liên quan tới việc xác định nghĩa vụ thuế của cơ sở thường trú đó bằng cách Nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết đó ước tính lợi nhuận phải chịu thuế của cơ sở thường trú đó, với điều kiện là luật hoặc các quy định đó được áp dụng, có xem xét đến thông tin cung cấp cho Nhà chức trách có thẩm quyền, phù hợp với các nguyên tắc tại Điều này.

7. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

8. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

Điều 8. Vận tải biển và vận tải hàng không

1. Lợi nhuận do một doanh nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ chịu thuế ở Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 của Điều này cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

Điều 9. Các doanh nghiệp liên kết

1. Khi

a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong các mối quan hệ thương mại hoặc quan hệ tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì những điều kiện này mà doanh nghiệp đó đã không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào, phù hợp với các quy định tại khoản 1, các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó - và đánh thuế tương ứng - các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ

ra đã thu được bởi doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu những điều kiện đưa ra giữa hai doanh nghiệp trên như là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận đã thỏa thuận đó cho phù hợp. Khi xác định sự điều chỉnh như vậy, sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và nếu cần thiết, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau.

Điều 10. Tiền lãi cổ phần

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a) mười phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là:

(1) Chính phủ của Nước ký kết kia;

(2) bất kỳ một tổ chức nào của Chính phủ được thành lập tại Nước ký kết kia theo luật;

(3) bất kỳ một tổ chức nào được thành lập tại Nước ký kết kia và tất cả vốn của tổ chức đó được Nước ký kết kia hoặc bất kỳ tổ chức nào của Chính phủ được định nghĩa tại điểm a) - (2) của khoản này cung cấp toàn bộ.

b) mười lăm phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần hoặc các quyền khác không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty thực hiện phân chia là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết kia; hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước ký kết kia, và quyền nắm giữ các cổ phần có các

khoản tiền lãi cổ phần được trả, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc quyền nắm giữ các cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

Điều 11. Lãi từ tiền cho vay

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo luật pháp của Nước ký kết đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế khi đó được tính sẽ không quá mười lăm phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 2, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết sẽ được miễn thuế nếu được trả cho:

a) Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của Nước ký kết kia;

b) bất kỳ tổ chức hợp pháp hoặc thể chế nào khác do Chính phủ Việt Nam sở hữu toàn bộ mà có thể được các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết nhất trí trong từng thời kỳ.

4. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó, cũng như các loại thu nhập chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế giống như thu nhập từ tiền cho vay theo các luật của Nước ký kết nơi thu nhập phát sinh. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

5. Những quy định tại các khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả lãi chính là Nước đó, chính quyền địa phương của Nước đó hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả lãi và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán lãi từ tiền cho vay khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 12. Tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật

1. Tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật, và theo các luật của Nước ký kết đó, nhưng nếu người thực hưởng tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật đó là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính sẽ không vượt quá 20% tổng số tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật.

3. a) Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc công trình khoa học, kể cả phần mềm máy tính, phim điện ảnh, hoặc các loại phim, đĩa hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

b) Thuật ngữ "phí dịch vụ kỹ thuật" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào, ngoài các khoản được đề cập tại Điều 14 và 15 của Hiệp định này, vì các dịch vụ mang tính chất kỹ thuật, quản lý hoặc tư vấn bao gồm cả việc cung cấp các dịch vụ kỹ thuật hoặc các đối tượng khác.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền và phí dịch vụ kỹ thuật phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nước đó, chính quyền địa phương của Nước đó hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật đã phát sinh và tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật này sẽ vẫn được coi là phát sinh tại Nước ký kết nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vượt quá

khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán tiền bản quyền hoặc phí dịch vụ kỹ thuật khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết, có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

Điều 13. Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia, hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

3. Thu nhập do một doanh nghiệp của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế hoặc động sản gắn liền với việc hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp là đối tượng cư trú.

4. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hoặc các quyền lợi tương ứng trong một công ty, mà tài sản của các tổ chức này trực tiếp hoặc gián tiếp chủ yếu bao gồm bất động sản nằm tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

5. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phiếu, không phải các cổ phiếu được đề cập tới tại khoản 4 trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Thu nhập thu được từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với tài sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

Điều 14. Dịch vụ cá nhân độc lập

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của Nước ký kết thu được từ các dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp dưới đây, khi đó các khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động của đối tượng này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong năm tính thuế có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu các hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

Điều 15. Dịch vụ cá nhân phụ thuộc

1. Thể theo quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19 và 20 của Hiệp định này, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công được thực hiện tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tính thuế có liên quan, và

b) chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước ký kết kia, và

c) số tiền thù lao không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước ký kết kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một doanh nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.

Điều 16. Thù lao giám đốc

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc hoặc các thực thể tương tự khác của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 17. Nghệ sĩ và vận động viên

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh, truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 14 và 18.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do một nghệ sỹ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động cá nhân của mình tại Nước ký kết kia theo kế hoạch trao đổi văn hóa giữa Chính phủ của cả hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

Điều 18. Tiền lương hưu và niên kim nhân thọ

1. Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác và niên kim nhân thọ được trả cho một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Như được sử dụng tại Điều này:

a) thuật ngữ "tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác" có nghĩa là các khoản thanh toán định kỳ thực hiện sau khi nghỉ hưu được trả cho công việc đã làm trước đây hoặc theo cách bồi thường đối với các thương tật đã gặp phải liên quan đến các công việc đã làm trước đây.

b) thuật ngữ "niên kim nhân thọ" có nghĩa là một khoản tiền nhất định phải thanh toán cho một cá nhân theo định kỳ vào các thời điểm nhất định trong cuộc đời, hoặc vào một thời kỳ cụ thể hoặc một thời kỳ có thể xác định được, theo nghĩa vụ đóng góp để nhận lại một khoản chi trả toàn bộ và thỏa đáng bằng tiền hoặc có giá trị như tiền.

Điều 19. Phục vụ chính phủ

1. a) Tiền thù lao, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nước ký kết đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b) Tuy nhiên, khoản tiền thù lao sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời:

(1) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc

(2) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện các công việc trên.

2. a) Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả, hoặc do các quỹ của Nước ký kết đó hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nước ký kết đó hoặc chính quyền địa phương của Nước đó sẽ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

b) Tuy nhiên, các khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú, và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3. Những quy định của các Điều 14, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với tiền thù lao và những khoản tiền lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

Điều 20. Giáo viên và nhà nghiên cứu

1. Một cá nhân, người hiện nay hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, trường cao đẳng, trường học hay cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với tiền công trả cho công việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu trong một khoảng thời gian hai năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

2. Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó do một cá nhân thực hiện vì lợi ích công cộng mà ngay từ đầu không phải vì lợi ích riêng của một hoặc nhiều đối tượng khác.

Điều 21. Sinh viên và học sinh học nghề

1. Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc học sinh học nghề nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc học sinh học nghề này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang và đã là đối tượng

cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất chỉ với mục đích sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước ký kết đó với điều kiện những khoản thanh toán này có nguồn gốc từ bên ngoài Nước đó.

2. Mặc dù đã có những quy định tại các Điều 14 và 15, tiền công đối với công việc mà sinh viên hoặc học sinh học nghề thực hiện tại một Nước ký kết sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những công việc này liên quan đến việc học tập hoặc đào tạo của mình và khoản thu nhập đó không vượt quá 2.500 đô-la Mỹ mỗi năm.

Điều 22. Thu nhập khác

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập này là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp đó những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

Điều 23. Các biện pháp xóa bỏ việc đánh thuế hai lần

1. Tại Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Khi một đối tượng cư trú của Việt Nam có thu nhập, lợi nhuận hay thu nhập từ chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Cô-oét và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Cô-oét, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế của Việt Nam tính trên thu nhập, lợi nhuận hay thu nhập từ chuyển nhượng tài sản đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Cô-oét.

Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế đánh trên thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ mà phần thuế này được phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Cô-oét.

2. Tại Cô-oét, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

a) Khi một đối tượng cư trú của Cô-oét có thu nhập mà phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Việt Nam, Cô-oét sẽ cho phép khấu trừ vào số thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền tương đương số thuế đã nộp tại Việt Nam.

Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ đó sẽ không vượt quá phần thuế đánh trên thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ mà phần thuế này được phân bổ cho thu nhập có thể bị đánh thuế tại Việt Nam.

b) Trong trường hợp tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Việt Nam trả cho một công ty là đối tượng cư trú của Cô-oét, việc khấu trừ sẽ xem xét đến (ngoài bất kỳ một khoản thuế nào của Việt Nam được phép khấu trừ theo quy định tại điểm 2(a)) số thuế Việt Nam do công ty đã trả liên quan đến khoản lợi nhuận để chia tiền lãi cổ phần.

c) Theo nội dung của điểm 2(a) Điều này, số thuế đã nộp tại Việt Nam đối với tiền lãi cổ phần mà khoản 2 Điều 10 áp dụng, đối với lãi từ tiền cho vay mà khoản 2 Điều 11 áp dụng, đối với tiền bản quyền hoặc đối với phí dịch vụ kỹ thuật mà khoản 2 Điều 12 áp dụng sẽ được coi là các mức thuế suất được nêu tại khoản 2 Điều 10 hoặc khoản 2 Điều 11 hoặc khoản 2 Điều 12.

3. Theo nội dung của Điều này, Zakat được nêu tại điểm b) khoản 3 Điều 2 sẽ được coi là thuế thu nhập.

4. Theo nội dung giảm trừ như một khoản khấu trừ tại một Nước ký kết, số thuế đã nộp tại Nước ký kết kia sẽ bao gồm số thuế đáng ra đã phải nộp tại Nước ký kết kia, nhưng được miễn thuế hoặc giảm thuế phù hợp với các luật hoặc biện pháp ưu đãi đầu tư đặc biệt được xây dựng nhằm mục đích phát triển kinh tế tại Nước ký kết kia.

Điều 24. Không phân biệt đối xử

1. Các cá nhân mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho những cá nhân mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước ký kết kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của các nước thứ ba tiến hành các hoạt động tương tự trong các hoàn cảnh tương tự.

3. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải cho cá nhân không cư trú tại Nước đó được hưởng bất kỳ khoản miễn thu cá nhân, khoản miễn thuế và giảm thuế vì các quy định dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước đó dành cho đối tượng cư trú của mình.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước ký kết thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của bất kỳ Nước thứ ba nào sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp

5. Không có quy định nào tại Điều này được hiểu là buộc một Nước ký kết phải có nghĩa vụ pháp lý để dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, các lợi ích của bất kỳ việc đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào có thể được dành cho bất kỳ Nước thứ ba nào hoặc đối tượng cư trú của nước đó do việc thành lập một liên minh hải quan, liên minh kinh tế, khu mậu dịch tự do hoặc bất kỳ thỏa thuận khu vực hay tiểu khu vực nào liên quan toàn bộ hay chủ yếu đến thuế hoặc việc di chuyển vốn mà Nước ký kết thứ nhất có thể là bên tham gia vào thỏa thuận đó.

6. Tại Điều này, thuật ngữ "thuế" có nghĩa là các loại thuế bao gồm tại Hiệp định này.

Điều 25. Thủ tục thỏa thuận song phương

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong nội luật của hai Nước đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn ba năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng tham khảo ý kiến của nhau để xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định này.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau, nhằm mục đích đạt được một thỏa thuận theo nội dung những khoản trên đây.

Điều 26. Trao đổi thông tin

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc thực hiện những quy định của Hiệp định này hoặc nội luật của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo nội luật sẽ không trái với Hiệp định này. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được theo khoản 1 sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại liên quan đến các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

2. Không có trường hợp nào mà những quy định tại các khoản 1 được giải thích là buộc nhà chức trách có thẩm quyền của một Nước ký kết có nghĩa vụ:

a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp và thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước (ordre public).

Điều 27. Các quy định khác

1. Các quy định tại Hiệp định này sẽ không được hiểu là nhằm hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào bất kỳ việc loại trừ, miễn, giảm, khấu trừ hoặc các giảm trừ khác

mà hiện nay hay sau này được quy định tại bất kỳ thỏa thuận đặc biệt nào khác về thuế liên quan đến hợp tác kinh tế hoặc kỹ thuật giữa hai Nước ký kết.

2. Trong trường hợp cần thiết, nhà chức trách có thẩm quyền của từng Nước ký kết có thể ban hành quy định để thực hiện các nội dung tại Hiệp định này và sẽ thông báo cho nhau về những quy định này.

Điều 28. Các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự

Không có nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự hoặc tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

Điều 29. Hiệu lực

1. Mỗi Nước ký kết, thông qua đường ngoại giao, sẽ thông báo cho nhau biết bằng văn bản việc hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu của luật pháp nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc bị khấu trừ thuế vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo sau;

b) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực và trong các năm dương lịch tiếp theo sau.

Điều 30. Chấm dứt hiệu lực

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được trả hoặc bị khấu trừ thuế vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch tiếp sau năm gửi thông báo kết thúc hiệu lực;

b) đối với các khoản thuế khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp sau năm dương lịch gửi thông báo kết thúc hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự ủy quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm tại Cô-oét ngày 10 tháng 3 năm 2009, tương ứng với ngày .....1430 H, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng A-rập và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau về Hiệp định, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NHÀ NƯỚC CÔ-OÉT**
Phạm Gia Khiêm **Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**	**Mustafa Jassim Al-Shamali** **Bộ trưởng Bộ Tài chính**